

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Bà Cù Thị Chanh.

Thư ký pH tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia pH tòa: Không.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 10, xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 10, xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Đặng Văn T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/8/2012. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, chửi mắng lẫn nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 6/2014, chị H tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương không có tin tức gì. Anh T đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị H để trở về nơi cư trú giải quyết việc ly hôn. Nay xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh Đặng Văn T khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Đặng Văn L, sinh ngày 10/7/2012, hiện cháu L đang ở với anh T. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu L và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ triệu tập chị Trần Thị H đến Tòa án để viết bản khai nhưng chị H không có mặt, nên không có lời khai của chị H.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đặng Văn T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia pH tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến tháng 6/2014, chị H tự ý bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú không rõ nguyên nhân. Anh T đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị H và được Tòa án chấp nhận. Trong thời gian thông báo tìm kiếm, chị H vẫn không trở về nơi cư trú để giải quyết việc ly hôn. Một thời gian dài vợ chồng không chung sống và quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, giải quyết cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh Đặng Văn T khai anh và chị Trần Thị H có một con chung, cháu tên là cháu Đặng Văn L, sinh ngày 10/7/2012. Anh T cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu L, trong đó xác định mẹ của cháu L là chị Trần Thị H. Mặt khác, cháu L sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu L là con chung của anh T và chị H. Từ khi chị H bỏ đi khỏi nơi cư trú đến nay, cháu L do anh T nuôi dưỡng. Hiện tại cũng không xác định được chị H ở đâu nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị H phải cấp nuôi con chung.

[4]. Về tài sản: Anh Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Trần Thị H.
2. Về con chung: Công nhận anh Đặng Văn T và chị Trần Thị H có một con chung, cháu tên là Đặng Văn L, sinh ngày 10/7/2012. Giao cháu L cho T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004667 ngày 11/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa
Đã ký

Lê Văn Hồng